



PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

CÔNG CỤ HỮU HIỆU ĐỂ PHÒNG NGỪA RỦI RO TÍN DỤNG CỦA NGÂN HÀNG

■ ThS. Nguyễn Ngọc Anh*

Trong hoạt động tài trợ vốn cho doanh nghiệp (DN), các khoản vay thường lớn và chênh lệch giữa thu nhập - chi phí của nó ngày càng nhỏ do sự cạnh tranh gay gắt giữa các ngân hàng (NH), vì thế, chỉ cần một số ít khoản cho vay không thu được sẽ làm cho toàn bộ lợi nhuận của

NH bị mất và họ đổ mắt với nguy cơ phá sản. Nhận dạng các nguồn rủi ro có thể xảy ra và lượng hóa nó là biện pháp hữu hiệu để phòng ngừa và hạn chế rủi ro cho vay của NH. Đối với hoạt động cho vay ngắn hạn, phân tích tài chính doanh nghiệp (TCDN) được xem là công cụ khá hữu hiệu để NH nhận dạng và đánh giá

nguy cơ rủi ro xảy ra đối với món vay. Bài viết này đề cập đến động cơ phân tích tài chính doanh nghiệp của NH trong hoạt động tài trợ vốn ngắn hạn, trên cơ sở đó, triển khai các nội dung phân tích tài chính chủ yếu và đưa ra định hướng xây dựng báo cáo phân tích phù hợp với động cơ phân tích của NH.

1. RỦI RO TÍN DỤNG VÀ ĐỘNG CƠ CỦA NH KHI THỰC HIỆN PHÂN TÍCH

Trong quá trình cấp tín dụng, NH thường xuyên phải đối mặt 3 loại rủi ro đó là:

Thứ nhất, khoản vay bị đóng băng. Khi DN không thanh toán nợ vay theo đúng hạn đã định và yêu cầu NH kéo dài thời hạn trả nợ sẽ làm cho NH thiếu vốn để đáp ứng yêu cầu chi trả và vay mượn khác. Rủi ro này xuất hiện do DN sử dụng vốn đầu tư quá mức vào sản cố định hoặc chu kỳ luân chuyển của vốn lưu động không xảy ra theo đúng dự kiến, hàng tồn kho, khoản phải thu bất thường tăng lên quá mức. Để phòng tránh rủi ro này, NH cần đánh giá khả năng và thời điểm xuất hiện dòng tiền của DN.

Thứ hai, NH không thu được lãi đầy đủ và đúng hạn. Để bù đắp chi phí và có lãi, NH định ra một lãi suất cho vay lớn hơn lãi suất tiền gửi và phải thu được các khoản tiền lãi đó thì mới có thể duy trì hoạt động của mình. Rủi ro này xuất hiện khi khả năng sinh lợi của DN quá thấp, lợi nhuận trước lãi vay tạo ra không đủ trang trải các chi phí tài chính. Vì vậy, NH cần phải đánh giá xem liệu DN có bắt mình chịu đựng rủi ro này không bằng cách phân tích khả năng sinh lợi của nó. Việc nghiên cứu khả năng sinh lợi không chỉ nhằm đánh giá mức độ hoặc chiều hướng phát triển mà còn để xác định xem khả năng sinh lợi có của DN thể chịu

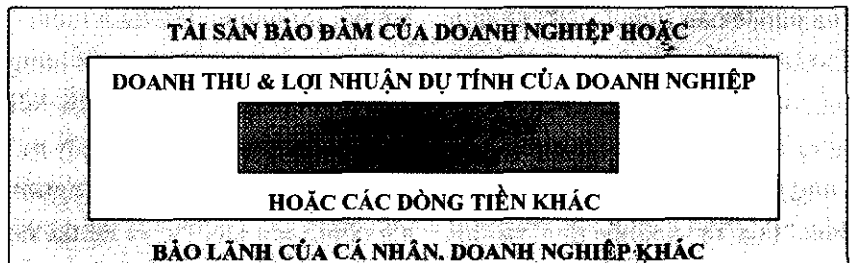
đựng được khoản nợ không.

Thứ ba, NH bị mất vốn. Rủi ro này xảy ra khi DN vay vốn vỡ nợ. Đây là hậu quả của cả hai rủi ro trên. Khi đó, NH buộc phải thanh lý tài sản để thu nợ nhưng việc làm này thường phải mất nhiều thời gian và chỉ tạo ra khoản tiền rất nhỏ, không đủ trang trải cho tất cả các chủ nợ. Hơn nữa, vấn đề phức tạp ở chỗ tất cả các chủ

phát hành nợ. Bất cứ nguồn nào trong 3 nguồn này đều có thể sử dụng để thanh toán nợ cho NH, tuy nhiên, NH thường quan tâm chủ yếu đến 2 dòng tiền đầu tiên và thiết lập nên vùng an toàn xoay quanh khoản vốn vay (thể hiện hình 1).

Mỗi một nguồn thanh toán tiềm tàng cho khoản vay trong hình 1 đều có thể được xem xét dựa trên

Hình 1: Vùng an toàn xung quanh khoản vốn vay của ngân hàng



nợ không phải đồng hạng ưu tiên trả nợ khi DN phá sản và không phải mọi khoản nợ của DN đều được ghi vào tài liệu tổng hợp.

Ba rủi ro này luôn rình rập, đe dọa NH khi họ thực hiện cho vay. Vì thế, trong quá trình cho vay, NH tiến hành nhận dạng và đo lường rủi ro của khoản vay thông qua việc phân tích, đánh giá những nguy cơ làm biến đổi các nguồn tài chính mà DN có thể sử dụng để hoàn trả nợ vay. Những nguồn tài chính phổ biến mà DN có thể sử dụng để trả nợ bao gồm: (1) Dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh của DN (doanh thu bán hàng hay thu nhập); (2) Dòng tiền từ việc bán tài sản của DN; (3) Dòng tiền tạo ra từ hoạt động huy động vốn của DN thông qua

cơ sở phân tích TCDN. Phân tích TCDN sẽ giúp NH thấy rõ quy mô các nguồn tài chính hiện tại cũng như khả năng của DN trong việc tạo ra các nguồn tài chính ở tương lai, từ đó nhận biết được khả năng vay và trả nợ của DN như thế nào. Vì vậy, mục tiêu phân tích tài chính trong hoạt động cho vay ngắn hạn của NH là tập trung đánh giá, dự báo khả năng xuất hiện của 2 dòng tiền này về quy mô cũng như tính chắc chắn của nó, cụ thể như:

(1) Đối với dòng tiền tạo ra từ hoạt động kinh doanh. Đây là vòng bảo vệ đầu tiên và quan trọng nhất cho sự an toàn của khoản vốn vay (còn gọi nguồn thu nợ thứ nhất). Đối với khoản vay dài hạn đầu tư vào tài sản cố định,

quy mô và tính chắc chắn của dòng tiền này phụ thuộc chủ yếu vào tính khả thi và hiệu quả của dự án đầu tư, nhưng còn khoản vay ngắn hạn bổ sung nhu cầu vốn lưu động, thời điểm xuất hiện dòng tiền và quy mô của nó lại phụ thuộc chủ yếu vào sự hợp lý và hiệu quả của việc sử dụng các nguồn lực, phụ thuộc khả năng kiểm soát chi phí, tiêu thụ sản phẩm, sinh lợi cũng như khả năng chuyển đổi thành tiền của các loại tài sản mà DN hiện nắm giữ như thế nào. Phân tích TCDN sẽ làm rõ những vấn đề như: cơ cấu đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và sự hợp lý giữa nguồn vốn và sử dụng vốn cũng như năng lực của DN trong việc tạo ra doanh thu và lợi nhuận, từ đó giúp NH nhận biết được những nguy cơ rủi ro đe dọa dòng tiền này.

(2) Đối với dòng tiền tạo ra từ việc bán tài sản của DN. Đây là vòng bảo vệ thứ hai cho sự an toàn của khoản vốn vay (còn gọi nguồn thu nợ thứ hai). Khi vòng bảo vệ thứ nhất phá sản, NH tiến hành thu nợ thông qua việc thanh lý tài sản của DN. Thời gian để chuyển đổi tài sản thành tiền mặt và quy

mô của nó phụ thuộc vào số lượng và chất lượng của các tài sản hiện DN nắm giữ. Hơn nữa, dòng tiền này không chỉ dùng để trả nợ cho NH mà còn sử dụng để trang trải chi phí thanh lý và thanh toán cho các chủ nợ khác. Phân tích tài chính sẽ giúp NH thấy rõ quy mô và chất lượng tài sản hiện có của DN (thể hiện ở tính chất sở hữu, tính thị trường, thanh khoản và nguồn gốc hình thành của tài sản), vai trò các chủ nợ DN cũng như các khoản phải trả bất thường có thể xuất hiện.

Như vậy, mục đích cuối cùng của phân tích TCDN đối với NH là giúp họ nhận biết được quy mô và tính chắc chắn của các nguồn tài chính mà DN tạo ra để trả nợ vay, trình độ và năng lực sử dụng vốn trong việc tạo ra dòng tiền cũng như khả năng chịu đựng rủi ro của DN và nếu kế hoạch kinh doanh bị thất bại, DN có đủ khả năng trả nợ không?.

2. NỘI DUNG PHÂN TÍCH TCDN

Để đạt được mục tiêu đặt ra, NH thực hiện phân tích TCDN theo 3 nội dung chủ yếu sau:

(1) Phân tích các khoản mục chủ yếu trên báo cáo tài chính. Mỗi khoản mục đều có cách tiếp cận phân tích, đặt câu hỏi đánh giá khác nhau nhưng đều hướng đến mục tiêu chung là làm rõ số liệu đích của các khoản mục này và sự biến động của nó. Việc phân tích sự biến đổi của các khoản mục sẽ giúp NH xác định được các vấn đề đang phát sinh tại DN để có cơ sở đưa ra những dự báo triển vọng về tình hình tài chính tương lai. Những khoản mục mà NH cần làm rõ chủ yếu nằm trên bảng cân đối kế toán và báo cáo thu nhập.

- *Đối với bảng cân đối kế toán:* NH phân tích cả số tuyệt đối và số tương đối (tỷ lệ của từng khoản mục trên tổng tài sản) của các

khoản mục như tiền mặt, chứng khoán, khoản phải thu, hàng tồn kho, giá trị còn lại của tài sản cố định, phải trả người bán, thuế, nợ ngắn hạn, nợ dài hạn, phải trả khác và vốn chủ sở hữu. Qua phân tích, NH sẽ



thấy sự thay đổi về cơ cấu đầu tư và cơ cấu huy động các nguồn tài trợ của DN, từ đó, nắm bắt được phần nào xu hướng hoạt động kinh doanh của DN trong thời gian đến cũng như mức độ và khả năng thanh toán của nó.

- *Đối với báo cáo thu nhập*: NH phân tích cả số tuyệt đối và số tương đối (tỷ lệ của từng khoản mục trên tổng doanh thu) của các khoản mục như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý, khấu hao, tiền lương, lãi vay, chi phí khác, lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh, thu nhập trước thuế, thu nhập sau thuế. Qua phân tích, NH sẽ nhận thấy mức độ ổn định trong các hoạt động, hiệu quả của các chính sách mà DN áp dụng, khả năng kiểm soát chi phí (thể hiện chất lượng quản lý) và tăng cường thu nhập (đây chính là nguồn thu nhập chủ yếu dùng để trả nợ NH) cũng như nguyên nhân thay đổi về tình hình chi phí, thu nhập và lợi nhuận của DN, từ đó, giải đáp những nghi vấn về chất lượng quản lý và triển vọng thu nhập trong tương lai của DN.

Một DN với bảng cân đối kế toán với các khoản mục lành mạnh kết hợp với báo cáo thu nhập với các khoản mục chuyển biến theo chiều hướng tốt sẽ là cơ sở đảm bảo vững chắc cho việc hoàn trả nợ vay. Ngoài ra, NH cũng cần tìm hiểu rõ về các khoản phải trả bất thường của DN. Các khoản này thường không xuất hiện trên bảng cân đối kế toán nhưng nó có thể chuyển thành

quyền đòi hỏi thực sự về tài chính đối với DN và làm giảm các quỹ hiện có dành để trả nợ.

(2) *Phân tích các hệ số tài chính chủ yếu*. Thông tin từ các bảng cân đối kế toán và báo cáo thu nhập thường được bổ sung bằng việc phân tích các hệ số tài chính. Để thấy rõ những vấn đề quan trọng của DN như hiệu quả sử dụng các nguồn lực, khả năng kiểm soát chi phí, khả năng tiêu thụ sản phẩm, khả năng trang trải chi phí tài chính, khả năng thanh toán, khả năng sinh lợi,..., NH cần chú trọng phân tích các hệ số tài chính sau:

- *Hiệu suất sử dụng các nguồn lực*: việc xem xét hiệu suất sử dụng các loại tài sản của DN như tài sản cố định, tài sản lưu động hay toàn bộ tài sản sẽ giúp NH có cái nhìn rõ hơn về khả năng quản lý, sử dụng các loại tài sản của DN để tạo ra doanh thu và dòng tiền mặt cũng như quá trình chu chuyển thành tiền mặt của các loại tài sản hàng tồn kho, khoản phải thu được tiến hành hiệu quả ở mức độ nào. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu suất sử dụng nguồn lực của DN bao gồm: giá vốn hàng bán/hàng tồn kho, doanh thu/tổng tài sản, doanh thu/giá trị còn lại của tài sản cố định, doanh thu/khoản phải thu.

- *Khả năng tiêu thụ sản phẩm*: để tạo ra tiền mặt thanh toán đầy đủ và đúng hạn nợ vay, DN cần phải bán được nhiều hàng hoá, cung ứng nhiều dịch vụ cho thị trường. NH cần đánh giá mức độ

chấp nhận của thị trường đối với sản phẩm, dịch vụ mà DN cung cấp thông qua các chỉ tiêu như: tốc độ tăng trưởng doanh thu, tỷ lệ lợi nhuận gộp cận biên (GPM), tỷ lệ lợi nhuận cận biên (NPM).

- *Khả năng sinh lợi*: lợi nhuận là kết quả cuối cùng của hàng loạt các chính sách và quyết định của DN, nó cho thấy hiệu quả trong cách điều hành, quản lý của DN. NH cần xem xét các chỉ tiêu như: lợi nhuận/doanh thu, lợi nhuận/tổng tài sản, lợi nhuận/vốn chủ sở hữu trong mối quan hệ so sánh với các DN trong cùng ngành để thấy được đáp số cuối cùng về hiệu quả công tác quản trị DN. Việc đánh giá khả năng sinh lợi của DN không chỉ cho thấy chiều hướng phát triển mà còn giúp NH nhận biết khả năng hoàn trả nợ vay của DN, bởi vì NH cho vay với hy vọng người vay tiền có thể tạo ra các khoản thu nhập lớn hơn chi phí của khoản nợ. Vì thế, NH cũng cần đánh giá mức lợi nhuận trước lãi vay mà DN tạo ra như thế nào, có đảm bảo trả được lãi vay và nợ gốc cho NH không thông qua các chỉ tiêu như: tỷ lệ hoàn trả lãi, tỷ lệ hoàn trả gốc và lãi.

- *Khả năng thanh toán*: phản ánh khả năng của DN trong việc tạo ra tiền mặt một cách kịp thời khi cần với chi phí hợp lý. Các khoản nợ có vấn đề thường bắt nguồn từ những thay đổi trong trạng thái thanh khoản hay sự khó khăn trong chuyển đổi các loại tài sản lưu động của DN thành tiền

mặt. Khả năng thanh toán của DN giảm sẽ làm tăng nguy cơ NH phải giải quyết tài sản để thu nợ. Do vậy, NH cần làm rõ khả năng trả tiền vay đúng hạn qua các chỉ tiêu như khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nhanh, tài sản lưu động ròng, vốn lưu động ròng. Tuy nhiên, việc đánh giá khả năng thanh toán cũng có mặt trái bởi DN sử dụng quá nhiều tài sản lưu động sẽ mất cơ hội tăng thu nhập và NH phải đối mặt với rủi ro đạo đức từ phía nhân viên DN.

- *Đòn bẩy tài chính*: trước khi quyết định tài trợ, NH cần quan tâm đến quy mô nợ hiện tại của DN bên cạnh khoản vay mà họ yêu cầu. Đòn bẩy tài chính đề cập đến việc sử dụng nợ với hy vọng người vay tiền có thể tạo ra các khoản thu nhập lớn hơn chi phí của khoản nợ. Phân tích đòn bẩy tài chính cho phép NH đo lường sự góp vốn của chủ DN, nếu chủ DN chỉ góp một tỷ lệ nhỏ thì rủi ro trong kinh doanh chủ yếu do các chủ nợ (NH) gánh chịu, từ đó có cơ sở tin tưởng về sự đảm bảo của món vay. Các chỉ tiêu đánh giá trạng thái tín dụng và mức độ sử dụng nợ của DN gồm: hệ số nợ, hệ số nợ dài hạn, tỷ số nợ trên doanh thu.

Việc xem xét về khía cạnh quy mô và sự biến đổi của các hệ số tài chính sẽ giúp NH làm rõ từng vấn đề đã đặt ra. Để có bức tranh tổng thể về tình hình tài chính của DN, trong quá trình phân tích cần phải nắm rõ mối quan hệ tác động

qua lại lẫn nhau của các hệ số tài chính này. Việc sử dụng phương trình phân tích DUPONT sẽ là cách tốt nhất giúp NH nối kết các hệ số tài chính này với nhau, từ đó nhận dạng được các nguy cơ rủi ro đe dọa đến khả năng sinh lợi, quy mô và thời điểm xuất hiện dòng tiền của DN.

(3) *Phân tích phương án tài chính dự tính*. Khoản vay hy vọng sẽ được hoàn trả bằng thu nhập mà DN tạo ra trong tương lai. Vì vậy, ngoài việc xem xét số liệu báo cáo tài chính quá khứ theo 2 nội dung phân tích trên nhằm làm tiền đề cho việc dự báo khả năng xuất hiện dòng tiền, NH cần phải đặc biệt chú trọng đánh giá phương án tài chính dự tính cũng như các điều kiện tài chính của DN trong tương lai (thể hiện ở bảng cân đối kế toán và báo cáo thu nhập dự tính). Nó sẽ giúp NH nhận biết được khả năng sinh lợi, nhu cầu vay, khả năng trả nợ và tình hình tài chính của DN trong tương lai. Vấn đề mà NH cần quan tâm khi đánh giá phương án tài chính này là tính khả thi của phương án mà DN đề xuất. Vì thế, NH chỉ cần đánh giá tính khả thi của các chính sách, mục tiêu mà DN đưa ra như: khả năng tăng doanh thu, tăng lợi nhuận, khả năng tiết giảm các loại chi phí cũng như các biện pháp

tăng giảm lưu chuyển hàng tồn kho, khoản phải thu và khả năng tác dụng của khoản vốn vay đến những mục tiêu này như thế nào.

3. ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG BÁO CÁO PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Sau khi tiến hành phân tích 3 nội dung đã được đề cập trên đây, người phân tích tiến hành xây dựng báo cáo phân tích, báo cáo này cần phải làm rõ 3 nội dung chính sau:

(1) *Đánh giá toàn bộ DN*: báo cáo phân tích phải trả lời câu hỏi: liệu DN có khả năng về các tham vọng mà nó đưa ra không? Để trả lời câu hỏi này, cần đánh giá những mặt sau:

- Yếu tố chung: cần làm rõ



những ấn tượng tốt, những tồn tại, những nhân tố bấp bênh về DN thông qua việc đánh giá các yếu tố về người lãnh đạo, cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn, phạm vi địa lý hoạt động, các sản phẩm hiện tại, thị trường và điều kiện môi trường kinh tế xã hội mà DN hoạt động. Qua đó, tiên liệu về khả năng của người lãnh đạo trong việc làm chủ vị trí của họ trên thị trường ở những năm sắp tới như thế nào.

- *Đánh giá kết quả đạt được:* nêu lên những thành công, những tồn tại, hạn chế của DN trong hoạt động kinh doanh. Cần làm rõ kết quả kinh doanh của DN trong thời gian qua về các chỉ tiêu như: sự biến động về thị trường (mở

rộng, duy trì hay thu hẹp), khả năng vận hành tốt các dự kiến trước đây và khả năng thực thi các dự kiến ở tương lai. Xem xét các điều kiện hoạt động như khả năng làm chủ các chi phí, chênh lệch giữa giá bán và giá vốn, khả năng tạo ra lãi gộp, lợi nhuận trước thuế, lợi nhuận sau thuế so với các đối thủ cạnh tranh hay khả năng điều chỉnh nhanh chóng mức độ hoạt động và sự thay đổi của nhu cầu. Ngoài ra, cần tìm hiểu về khả năng tự tài trợ của DN, đây là yếu tố có tính chất quyết định đến tương lai của DN bởi trước mắt, DN có thể vay mượn nhưng sau đó phải tạo ra một khả năng sinh lợi lớn hơn để giảm thiểu nhu cầu vay mượn của DN đối với NH.

- *Đánh giá khả năng thanh toán:* sự tăng trưởng nhu cầu vay vốn của DN là kết quả tổng hợp của chính sách sản xuất (mức độ tồn kho), chính sách bán chịu (khối lượng và thời hạn của các khoản bán chịu), phản ứng của người chủ (lãnh đạo) DN với sự thay đổi của thị trường. Vì vậy, báo cáo phân tích cần thể hiện những lý do mà nhu cầu vốn lưu động thay đổi một cách khác so với mức độ thay đổi của hoạt động.

(2) *Đánh giá về rủi ro của NH:* báo cáo phân tích phải trả lời câu hỏi: liệu NH có gặp phải rủi ro (DN có thanh toán đầy đủ nợ đến hạn thoả thuận) nếu như NH chấp nhận hợp tác với DN không?. Việc đánh giá các rủi ro này là

khá khó khăn, phụ thuộc vào trình độ, năng lực và tính nhạy bén, linh hoạt của người phân tích. Tuy nhiên, 3 rủi ro mà NH phải đối mặt như đã phân tích ở đầu bài viết sẽ là cơ sở quan trọng để NH nghiên cứu nguy cơ rủi ro xảy ra đối với NH và đưa ra kết luận về mức rủi ro có thể chấp nhận hay không thể chấp nhận được.

(3) *Kết luận:* cuối cùng, báo cáo phân tích phải đưa ra được kết luận về tình hình tài chính của DN và đề xuất quyết định nên hợp tác hay rút lui. Nếu đề xuất quyết định hợp tác thì cần áp dụng biện pháp hay phương án bảo vệ nào đối với khoản vốn vay. ■

Tài liệu tham khảo:

1. André Barbier - Jacques Proutat, Người dịch: Nguyễn Lâm Hoà (1993), *Phân tích tài chính dành cho chủ ngân hàng*, NXB Viện Khoa học Ngân hàng, Hà Nội.

2. Josette Peyrad, Người dịch: Đỗ Văn Thiện (2000), *Phân tích tài chính doanh nghiệp*, NXB Thống kê, Hà Nội.

3. Peter S. Rose, Người dịch: Nguyễn Huy Hoàng (2001), *Quản trị Ngân hàng thương mại*, NXB Tài chính, Hà Nội.

4. Milind Sathye, James Bartle, Michael Vincent, Raymond Boffey, *Credit analysis & lending management*, NXB John Wiley & Sons Australia Ltd.

* Đại học Đà Nẵng